Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 25.07.2019 10:31:46 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1077/GCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 28/06/2019.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc Việt Nam.

Mã số thuế: 0106246349

Địa chỉ: Thôn Kim Lũ, xã Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ,Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm đất đá xây dựng**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: P104 – Nhà A1, Khu tập thể Nhà Máy In Tiền Quốc Gia, Ngõ 30 Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1564**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Quyết định số 136/QĐ-BXD ngày 25/03/2016.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc Việt Nam;
- Sở XD TP Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1564

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 1077/GCN-BXD, ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
1.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; ASTM D854; AASHTO T100
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; AASHTO T265
3.	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:12; ASTM D4318, D2216; AASHTO T89, T90
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM D421, D422, D2216, D4718; AASHTO T88
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12; ASTM D3080
6.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm (Nén không nở hông)	TCVN 4200:12; ASTM D2435; GOST 12248-96
7.	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN333-06; ASTM D1557; D698, D558; AASHTO T99, T180
8.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) PP dao vòng, PP đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202:12; ASTM D4914:14
9.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-06; ASTM D1883; ASTM D4429; AASHTO T193
10.	Xác định hệ số thấm của đất K	TCVN 8723:12; ASTM D2434-00; GOST 25584; JIS A1218
11.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	14 TCN 133-2005
12.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12; ASTM D427; AASHTO T92
13.	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
14.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:12
15.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D 2166-01
16.	Xác định KLTT nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	14 TCN 136-2005
17.	Xác định sức chống cắt của đất bằng pp cắt cánh	14 TCN 147-2005
18.	Xác định thành phần và hàm lượng muối hòa tan	22TCN 59:84
19.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU,CU,CD,CV)	ASTM D2850-95
20.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	14 TCN 132-2005

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
21.	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	14 TCN 138-2005
22.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
23.	XĐ dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:71; ASTM D2937
24.	XĐ độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP phễu rót cát	22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191
25.	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:11
26.	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; ASTM D4729
27.	Xác định mô đun đàn hồi (E) của nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D4695; AASHTO T256
28.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12; ASTM D1154
29.	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
30.	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:93
31.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đổ nước hố đào, hố khoan	14TCN 153: 06; TCVN 8731: 12
32.	Xác định độ thấm nước của đá bằng pp ép nước hố khoan	14 TCN83:91
33.	Chống sét cho công trình xây dựng - Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
34.	Trắc địa công trình	TCVN 9398:12
35.	Đo chuyển vị ngang của công trình	TCVN 9364:2012
36.	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400:2012
37.	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
38.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9113:12
39.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trượng (FVT)	ASTM D2573-94
40.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12
41.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCXDVN 359:05
42.	Thí nghiệm cọc bằng pp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:00
43.	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
	CƠ LÝ BENTONIT	
44.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395:12
45.	Độ nhớt	TCVN 9395:12
46.	Hàm lượng cát	TCVN 9395:12
47.	Tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:12
48.	Lượng mất nước	TCVN 9395:12

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
49.	Độ dày áo của sét	TCVN 9395:12
50.	Độ pH	TCVN 9395:12
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
51.	Xác định độ pH	TCVN 6492-99
52.	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194-96
53.	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{-2})	TCVN 6200-96
54.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
55.	Xác định màu và mùi	TCVN 4558:88
56.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
57.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.